

## BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO HỌC VIÊN NGOÀI CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUỲNH LÂM ANH CHƯƠNG\*

### TÓM TẮT

*Bài báo đề cập sự đánh giá của bốn đối tượng học viên (HV) khi theo học các lớp nghiệp vụ sư phạm (NVSP) do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM) tổ chức trong thời gian gần đây, đồng thời đề xuất các biện pháp đổi mới công tác quản lý đào tạo NVSP của Trường.*

**Từ khóa:** nghiệp vụ sư phạm, biện pháp đổi mới quản lý đào tạo.

### ABSTRACT

***Innovation methods for managing irregular training of pedagogical skills  
at Ho Chi Minh City University of Education***

*This article presents the evaluation of four groups of students who attend in pedagogical skills courses held by Ho Chi Minh City University of Education in recent years and also suggests some innovation methods for managing irregular training of pedagogical skills at the university.*

**Keywords:** professional pedagogy, improvement approaches in management training professional pedagogy.

### 1. Đặt vấn đề

Về lý luận, đổi mới là động lực của sự phát triển. Công tác đào tạo NVSP cho giáo viên (GV) cũng cần được đổi mới để nâng cao chất lượng tay nghề cho GV. Các biện pháp đổi mới phải có tính khả thi, hiệu quả và được rút ra từ những nghiên cứu thực tiễn của quá trình đào tạo NVSP.

Về thực tiễn, Trường ĐHSPTPHCM là trường đào tạo GV, đồng thời tổ chức đào tạo NVSP cho nhiều đối tượng khác muốn tham gia công tác giảng dạy ở các bậc học như: mầm non, tiểu học, trung học, cao đẳng - đại học. Quá trình đào tạo NVSP trong những năm gần đây, bên cạnh những hiệu quả

đạt được thì vẫn còn những hạn chế cần khắc phục; vì vậy, việc nghiên cứu những biện pháp đổi mới công tác đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy là cần thiết.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở của khảo sát thực trạng, nghiên cứu này tìm hiểu những biện pháp đổi mới công tác quản lý đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy Trường ĐHSPTPHCM nhằm nâng cao chất lượng đào tạo NVSP của Trường.

### 3. Phạm vi nghiên cứu

#### 3.1. Khách thể nghiên cứu

HV các lớp NVSP mầm non, phổ thông (PT), tiếng Anh, và cao đẳng - đại học (CĐ-ĐH).

#### 3.2. Đối tượng nghiên cứu

*Mô tả thực trạng:* Dựa vào mức độ

\* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

đánh giá của HV về nội dung đào tạo, phẩm chất GV, tổ chức đào tạo.

*Biện pháp đổi mới:* Nghiên cứu nhận thức của HV về ý nghĩa của các biện pháp đổi mới, xây dựng lí luận về biện pháp đổi mới.

#### 4. Phương pháp nghiên cứu

Để xây dựng hệ thống biện pháp đổi mới đào tạo NVSP của Trường ĐHSP TPHCM, trước tiên, chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng đào tạo NVSP ở 4 đối tượng HV khác nhau trong năm học 2012-2013; sau đó, phỏng vấn các nhà quản lí, GV, HV đồng thời sử dụng hệ thống lí luận về đổi mới đào tạo nói chung, đào tạo NVSP nói riêng để thực hiện nghiên cứu này.

Tổng số HV tham gia trả lời câu hỏi là: 174; trong đó, lớp NVSP mầm non: 36, lớp NVSP đào tạo GV dạy tiếng Anh:

33, lớp NVSP dành cho GV PT: 46, lớp NVSP dành cho GV dạy bậc CD-ĐH: 59.

#### 5. Kết quả nghiên cứu

##### 5.1. Đánh giá của HV về công tác đào tạo NVSP

HV đánh giá quá trình đào tạo theo 3 khía cạnh: nội dung chương trình, phẩm chất GV và cách tổ chức đào tạo, và được xét theo 3 mức ý kiến đánh giá của HV: chưa đạt, đạt, tốt với điểm quy ước theo thứ tự là 1, 2 và 3. Các kết quả phần 5.1 được xét theo điểm trung bình (TB), trong đó: TB từ 0,5-1,49: chưa đạt, TB từ 1,5-2,49: đạt, TB từ 2,5 trở lên: tốt.

##### 5.1.1. Đánh giá của HV về nội dung dạy học

Nội dung chương trình dạy học NVSP được quan tâm ở 2 khía cạnh: tính khoa học và tính thực tế, được trình bày ở bảng 1 sau đây:

**Bảng 1.** Đánh giá của 4 đối tượng HV về nội dung chương trình

Nội dung chương trình đào tạo	GV mầm non	GV tiếng Anh	GV PT	GV CD-ĐH
Tính khoa học của các môn học	1,71	2,12	1,78	1,88
Tính thực tế của các môn học	2,33	2,00	1,76	1,73

Bảng 1 cho thấy nội dung 4 chương trình đào tạo được 4 đối tượng HV chấp nhận và đánh giá ở mức đạt (từ 1,5 – 2,5). Tuy nhiên, không có đối tượng HV nào đánh giá tốt tính khoa học hay tính thực tế của nội dung dạy học. Điều này gợi ý cho các nhà quản lí và GV là cần thường xuyên cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung những nội dung thiết thực vào chương trình đào tạo NVSP.

##### 5.1.2. Đánh giá của HV về các yêu cầu đối với GV tham gia đào tạo (xem bảng 2)

**Bảng 2. Đánh giá của HV về GV**

Các yêu cầu đối với GV	GV mầm non	GV tiếng Anh	GV PT	GV CD- ĐH
Thông báo cụ thể kế hoạch học tập bộ môn	2,33	1,24	2,28	1,80
Thông báo cụ thể tiêu chí đánh giá HV về môn học	2,44	1,21	2,35	2,42
Đánh giá sự chuyên cần của HV	2,33	1,97	2,13	2,37
Đánh giá thái độ học tập của HV	2,50	1,97	2,11	2,51
Phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu	1,97	1,67	2,30	2,02
Biết cách khuyến khích HV chủ động và tích cực học tập	2,14	1,55	2,00	2,15
Gương mẫu trong giao tiếp với SV	2,28	2,27	2,22	2,31
Nhiệt tình trả lời các câu hỏi của HV tại lớp	2,53	2,21	2,46	2,49
Công bằng với tất cả HV	2,17	2,06	2,22	2,05
Hiểu tâm lý HV	2,33	1,76	2,15	2,31
Yêu cầu vừa sức đối với HV	2,33	1,67	2,30	2,37
Kiến thức thực tế của GV	2,44	2,21	2,13	2,44

Bảng 2 cho thấy, xét ở từng đối tượng, HV lớp NVSP mầm non, NVSP PT, NVSP CD-ĐH đều đánh giá các tiêu chí về GV ở mức đạt. HV lớp NVSP đào tạo GV dạy tiếng Anh chưa đánh giá cao việc thông báo kế hoạch dạy học, tiêu chí chấm điểm của GV.

Nhìn chung, cả 4 đối tượng cho

rằng họ hài lòng về GV ở nhiều khía cạnh, trong đó, các khía cạnh được HV hài lòng nhiều hơn là: GV đánh giá HV công bằng, gương mẫu trong giao tiếp, nhiệt tình trong việc trả lời các câu hỏi của HV, có kiến thức thực tế.

5.1.3. Đánh giá của HV về tổ chức đào tạo (xem bảng 3)

**Bảng 3. Đánh giá của HV về tổ chức đào tạo**

Các khía cạnh tổ chức đào tạo	GV mầm non	GV tiếng Anh	GV PT	GV CD-ĐH
Có một website cung cấp thông tin cho HV	2,08	1,64	1,76	2,07
Có nhân viên tư vấn trực tiếp cho HV	1,81	1,18	1,65	1,69
Nội dung thông tin tuyển sinh	2,03	1,58	1,80	2,00
Kế hoạch tuyển sinh	1,97	1,76	1,83	1,93
HV được tự chọn giờ học	2,19	1,27	1,48	2,15

HV được sử dụng thư viện	1,61	1,36	1,52	1,56
Lịch học ổn định, ít thay đổi	1,81	1,09	1,72	1,81
Tổ chức các hoạt động giao lưu giữa GV và HV	2,19	1,21	1,59	2,15
HV được đi thực tế	1,47	1,15	1,57	1,44
Sự nghiêm túc của giám thị coi thi	1,75	2,03	2,00	1,68
Tổ chức thi lại, thi lần 2	1,11	1,67	1,46	1,02
Tổ chức học lại, học trả nợ	1,11	1,61	1,46	1,02
Tổ chức các môn học tự chọn	1,92	1,52	1,59	1,73
Chất lượng của nhà vệ sinh	1,19	1,21	1,04	1,20
Có khu nghỉ trưa hoặc giải lao của HV	1,39	1,39	1,20	1,32
Việc cấp giấy chứng nhận cho HV	1,25	1,52	1,43	1,19
Giải quyết chuyển lớp, tạm dừng học, bảo lưu kết quả học tập	1,44	1,55	1,65	1,39

Bảng 3 cho thấy, xét riêng từng đối tượng thì HV lớp NVSP mầm non cho rằng các khía cạnh sau đây chưa đạt: việc tổ chức thi lại, học lại, chất lượng nhà vệ sinh, việc cấp giấy chứng nhận cho HV, các hình thức miễn giảm học phí. HV lớp NVSP GV tiếng Anh cho rằng các khía cạnh sau đây chưa đạt: tư vấn học tập cho HV, lịch học chưa ổn định, giao lưu GV và HV hạn chế, chất lượng nhà vệ sinh, việc cấp giấy chứng nhận cho HV, các hình thức miễn giảm học phí. HV lớp NVSP GVPT cho rằng các khía cạnh sau đây chưa đạt: chất lượng nhà vệ sinh, khu nghỉ trưa. HV lớp NVSP GV CĐ-ĐH cho rằng: việc tổ chức thi lại, học lại, chất lượng nhà vệ sinh, khu nghỉ trưa, việc cấp giấy chứng nhận cho HV, các hình thức miễn giảm học phí là chưa đạt.

Nhìn chung, không có khía cạnh nào được HV đánh giá tốt, hầu như chỉ ở

mức đạt. Các khía cạnh chưa đạt là: việc tổ chức thi lại, học lại, chất lượng nhà vệ sinh, khu nghỉ trưa, việc cấp giấy chứng nhận cho HV, các hình thức miễn giảm học phí cho HV.

*5.1.4. Đánh giá của HV về ý nghĩa của các biện pháp đổi mới đào tạo NVSP (xem bảng 4)*

Trong phần này, HV đánh giá ý nghĩa của các biện pháp đổi mới quá trình đào tạo đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo (đáp ứng nhu cầu người học) theo 5 mức: không ý nghĩa, ít, vừa, nhiều và rất ý nghĩa với điểm quy ước theo thứ tự là 1, 2,3,4 và 5. Các kết quả của bảng được xét theo TB, trong đó: TB từ 0,50-1,49: không ý nghĩa, TB từ 1,50- 2,49: ít ý nghĩa, TB từ 2,50-3,49: có ý nghĩa vừa, TB từ 3,50-4,49: có ý nghĩa nhiều, từ 4,5 trở lên: rất có ý nghĩa.

**Bảng 4. Các biện pháp đổi mới đào tạo NVSP**

<b>Biện pháp đổi mới đào tạo NVSP</b>	<b>GV Mầm non</b>	<b>GV dạy tiếng Anh</b>	<b>GV PT</b>	<b>GV CĐ-ĐH</b>
Thông báo cụ thể kế hoạch học tập bộ môn	3,61	2,79	3,24	3,66
Thông báo cụ thể tiêu chí đánh giá HV về môn học	3,56	2,73	3,24	3,59
Giới thiệu tài liệu tham khảo	3,44	2,73	3,13	3,53
Tạo cơ hội cho HV thực hành những kiến thức được học	3,64	2,85	3,00	3,64
Đánh giá sự chuyên cần của HV	3,19	2,76	2,91	3,31
Đánh giá thái độ học tập của HV	3,42	2,76	3,02	3,47
Phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu	3,75	3,00	3,46	3,83
Kiến thức thực tế của GV	3,64	2,79	3,54	3,68
Gương mẫu trong giao tiếp với SV	3,53	2,91	3,52	3,59
Nhiệt tình trả lời các câu hỏi của HV	3,67	2,73	3,52	3,75
Yêu cầu vừa sức đối với HV	3,31	2,73	3,37	3,37
Công bằng với tất cả HV	3,53	2,70	3,46	3,59
Hiểu tâm lí HV	3,67	2,85	3,24	3,75

Bảng 4 cho thấy HV lớp NVSP mầm non cho rằng các biện pháp có ý nghĩa nhiều đối với việc đổi mới công tác đào tạo NVSP là: GV hiểu tâm lí HV, nhiệt tình và có phương pháp giảng dạy dễ hiểu, tạo cơ hội cho HV thực hành kiến thức... HV lớp NVSP GV tiếng Anh cho rằng các biện pháp được hỏi đều có ý nghĩa ở mức vừa phải. HV lớp NVSP GVPT cho rằng các biện pháp rất ý nghĩa là: phương pháp, kiến thức thực tế, kĩ năng giao tiếp và sự nhiệt tình của GV. HV lớp NVSP GV CĐ-ĐH cho rằng các biện pháp có ý nghĩa nhiều là: GV hiểu tâm lí HV, nhiệt tình, phương pháp giảng dạy dễ hiểu, kiến thức thực tế của GV, tạo cơ hội cho HV thực hành kiến thức,

thông báo và thông tin về học tập.

Nhìn chung, cả 4 đối tượng HV cho rằng tất cả các biện pháp đưa ra đều có ý nghĩa nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của HV, các chỉ số thống kê đều lớn hơn 2,5. Có thể nhận thấy 2 nhóm biện pháp 1 và 2. Nhóm 1 gồm các biện pháp được HV cho là có ý nghĩa nhiều hơn (TB trên 3,50) là: GV thông báo cho HV lịch học và tiêu chí đánh giá HV khi bắt đầu khóa học, GV có và thường xuyên nâng cao kiến thức thực tế, GV có phương pháp giảng dạy dễ hiểu, GV nâng cao kĩ năng hiểu tâm lí HV và các kĩ năng giao tiếp khác. Nhóm 2 gồm các biện pháp khác được HV cho là có ý nghĩa ở mức vừa phải là: rèn luyện kĩ

năng tổ chức lớp học, kỹ năng đánh giá HV, kỹ năng đưa ra các yêu cầu vừa sức đối với HV.

### **5.2. Biện pháp đổi mới công tác đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy của Trường ĐHSP TPHCM**

Để công tác đào tạo NVSP đạt hiệu quả cao, dựa trên kết quả khảo sát, chúng tôi đề xuất một số biện pháp như sau:

#### **5.2.1. Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy**

##### **a. Cơ sở đề xuất**

- Các kết quả ở bảng 3 về những khía cạnh tổ chức đào tạo chưa đạt, như: chuẩn bị phòng học, chỗ nghỉ, vệ sinh, các hình thức miễn giảm học phí, việc tổ chức thi lại và học lại.

- Biện pháp 4.1 được HV đề cao ý

nghĩa

- Công tác kế hoạch hóa trong quản lý đào tạo còn hạn chế

##### **b. Mục tiêu**

Kế hoạch hóa quá trình quản lý công tác đào tạo NVSP là biện pháp định hướng cho mọi hoạt động đào tạo NVSP diễn ra một cách có trình tự và hướng đích. Kế hoạch hóa quá trình quản lý đào tạo NVSP nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của tất cả các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường; tạo nên tính mục đích, liên tục và đồng bộ trong công tác đào tạo; tránh hiện tượng chồng chéo, tùy tiện, chấp vá trong công tác đào tạo NVSP, nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

Một số mẫu kế hoạch được đề nghị như sau:

#### **Mẫu 1. Kế hoạch chung đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy năm học 20...- 20...**

STT	Các hoạt động đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy	Thời gian	Người phụ trách	Tiêu chí đánh giá	Biện pháp thực hiện	Yêu cầu
1	NVSP CD-ĐH					
2	NVSP GV mầm non					
3	.....					

#### **Mẫu 2. Kế hoạch đào tạo NVSP GVPT/ GV mầm non/GV tiếng Anh/ GV CD-ĐH năm học 20...- 20...**

STT	Các hoạt động đào tạo	Thời gian	Người phụ trách	Tiêu chí đánh giá	Biện pháp thực hiện	Yêu cầu
1	Thông báo chiêu sinh					
2	Dạy học các học phần bắt buộc					
3	Dạy học các học phần tự chọn					
4	Thực tế, thực tập					
5	.....					

**c. Cách thực hiện biện pháp**

Bước 1: Phòng Đào tạo căn cứ vào thực tế của nhà trường, khả năng tổ chức đào tạo NVSP của trường và mục tiêu năm học để xây dựng kế hoạch chung, phổ biến kế hoạch chung đến các khoa và phòng ban liên quan để thảo luận, đóng góp ý kiến. Từ đó, hoàn chỉnh và chính thức hóa kế hoạch chung. Cuối cùng, trình BGH xét duyệt.

Bước 2: Các khoa và các phòng ban xây dựng kế hoạch riêng trên cơ sở kế hoạch chung và gửi về Phòng Đào tạo. BGH xem xét, trao đổi, thống nhất và duyệt kế hoạch (có thể thực hiện bước 2 trước rồi đến bước 1).

Bước 3: BGH chỉ đạo thực hiện các kế hoạch đã xây dựng.

Bước 4: BGH đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, cùng với các khoa và phòng ban liên quan phân tích nguyên nhân thành công, tồn tại và đề ra những biện pháp khắc phục.

**5.2.2. Xây dựng cơ cấu nhân sự hợp lý trong công tác đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy**

**a. Cơ sở đề ra biện pháp**

- Các kết quả TB ở bảng 3 không lớn hơn 2,5, đồng nghĩa HV chỉ dừng ở mức chấp nhận, chưa đánh giá tốt công tác tổ chức.

- Công tác tổ chức của nhà quản lý chưa chặt chẽ.

**b. Mục tiêu**

Xây dựng cơ cấu tổ chức nhân sự cho công tác đào tạo NVSP là chỉ ra công việc và nhiệm vụ của từng đơn vị, từng cá nhân có liên quan; chỉ ra mối quan hệ giữa các cá nhân trong một đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị với nhau trên cơ sở vị trí, vai trò, chức năng của chúng. Xây dựng cơ cấu nhân sự là biện pháp quan trọng để thực hiện các kế hoạch đã đề ra.

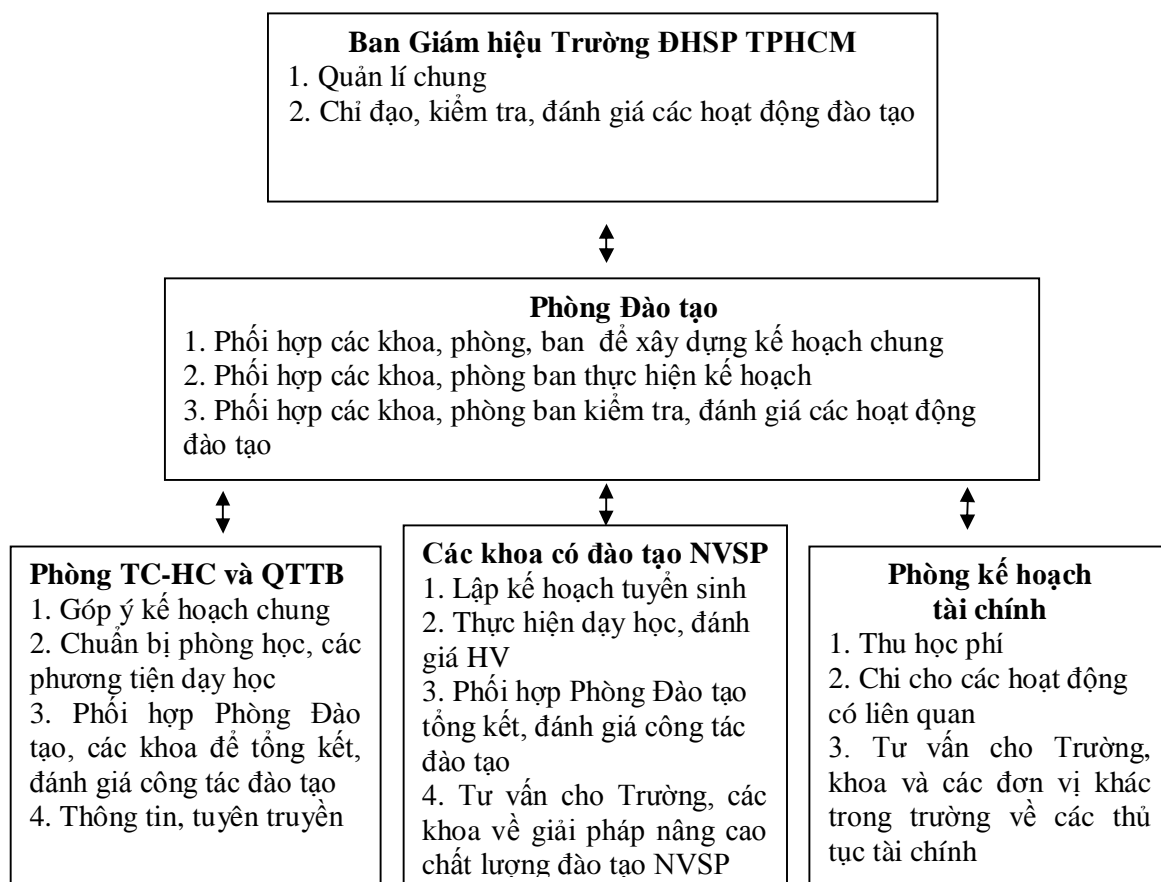
Xây dựng cơ cấu nhân sự hợp lý, phân cấp quản lý rõ ràng nhằm phát huy được sức mạnh của từng cá nhân và sức mạnh tổng hợp của các cá nhân và các đơn vị, tránh được những thiếu sót hoặc chông chéo trong quá trình tổ chức công tác đào tạo NVSP.

**c. Cách thực hiện biện pháp**

Bước 1: Xây dựng hệ thống văn bản quy định nhiệm vụ, chức năng và quyền hạn của các khoa, phòng, ban trong công tác đào tạo NVSP.

Bước 2: Tổ chức họp thống nhất về nội dung các văn bản quy định nhiệm vụ và quyền hạn của các lực lượng giáo dục nói trên, ban hành các văn bản và thực hiện.

Sau đây là sơ đồ mô hình tổ chức nhân sự được đề nghị:



*Sơ đồ cơ cấu tổ chức đào tạo NVSP cho sinh viên các lớp ngoài chính quy*

5.2.3. *Tăng cường thường xuyên sự chỉ đạo của BGH về công tác đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy*

**a. Cơ sở để ra biện pháp**

- Các kết quả TB ở bảng 3 không lớn hơn 2,5, đồng nghĩa với HV chỉ dừng ở mức chấp nhận, chưa đánh giá tốt công tác tổ chức.

- Những hạn chế về quản lý đào tạo NVSP.

**b. Mục tiêu**

Tăng cường chỉ đạo là biện pháp thể hiện vai trò, sức mạnh và nghệ thuật của nhà quản lý. Tăng cường chỉ đạo các đơn vị có liên quan đào tạo NVSP nhằm

thực hiện đầy đủ, triệt để và có chất lượng kế hoạch chung về đào tạo NVSP của trường đã đề ra; phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả tập thể sư phạm; phát huy vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo của mỗi đơn vị và mỗi cá nhân trong trường.

**c. Cách thực hiện biện pháp**

Bước 1: Phòng Đào tạo tổ chức họp với BGH, các khoa, phòng, ban, các đơn vị hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm để trao đổi, thống nhất kế hoạch đào tạo NVSP từ đầu năm học.

Bước 2: BGH phê duyệt kế hoạch, ban hành các văn bản về tổ chức, đào tạo



NVSP đến các đơn vị, cá nhân có liên quan.

Bước 3: BGH giám sát các hoạt động theo kế hoạch đã duyệt

Bước 4: Sau mỗi học kì, BGH họp với các đơn vị để đánh giá những thành quả và hạn chế trong công tác đào tạo NVSP, đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

*5.2.4. Tăng cường thường xuyên công tác kiểm tra, đánh giá và khen thưởng về đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy*

**a. Cơ sở để ra biện pháp**

Những hạn chế ở các khía cạnh của quá trình đào tạo từ 5.1.1 đến 5.1.4.

**b. Mục tiêu**

Kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo NVSP là công việc rất quan trọng nhằm đảm bảo tạo lập mối liên hệ ngược, thường xuyên và vững bền trong quản lí. Kiểm tra, đánh giá, giúp BGH nắm bắt thông tin phản hồi từ đối tượng quản lí, nắm được diễn biến công việc trong tổ chức, so sánh hiệu quả thực tế đạt được với mục tiêu đề ra, từ đó có những tác động quản lí thích hợp. Kiểm tra, đánh giá chính xác, chân thực sẽ có tác dụng trực tiếp đến việc tìm ra những nguyên nhân và đề ra các giải pháp quản lí hiệu quả.

**c. Cách thực hiện biện pháp**

- *Xây dựng các tiêu chí đánh giá*

Bước 1: BHG tổ chức việc xây dựng các tiêu chí đánh giá công tác đào tạo NVSP, xây dựng tiêu chí dựa trên quan điểm về chất lượng và hiệu quả; xem xét ở các khía cạnh mục tiêu, nội dung chương trình, hình thức tổ chức, phương pháp, phương tiện dạy học, giảng viên, các điều kiện về cơ sở vật chất và môi trường, sự

hài lòng của dư luận ngành giáo dục và xã hội; tham khảo ý kiến của tất cả các bên liên quan công tác đào tạo NVSP và các chuyên gia về đánh giá.

Bước 2: BGH ban hành quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá công tác đào tạo NVSP để thực hiện.

- *Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá*

Kiểm tra, đánh giá là quá trình đo lường việc thực hiện nhiệm vụ, dựa theo các tiêu chuẩn, tiêu chí đã đề ra để có những thông tin về kết quả thực hiện kế hoạch, làm cơ sở cho việc khen thưởng hay rút kinh nghiệm và hoạch định kế hoạch đào tạo tiếp theo của trường.

Bước 1: BGH chỉ đạo thành lập Ban Thanh tra công tác đào tạo NVSP, trong đó có thành viên của Ban Thanh tra của Trường, đại diện của Phòng Đào tạo, đại diện của khoa phụ trách chuyên môn.

Bước 2: BGH chỉ đạo Ban Thanh tra của Trường xây dựng kế hoạch kiểm tra dựa trên kế hoạch chung và kế hoạch đào tạo cụ thể của từng lớp học, từng khóa học.

Bước 3: BGH chỉ đạo Ban Thanh tra của Trường xây dựng kế hoạch kiểm tra dựa trên kế hoạch chung và kế hoạch đào tạo cụ thể của từng lớp học, từng khóa học. Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa xây dựng các công cụ đánh giá công tác đào tạo NVSP, chọn hình thức và thời điểm đánh giá.

Bước 4: BGH chỉ đạo Ban thanh tra của Trường xây dựng kế hoạch kiểm tra dựa trên kế hoạch chung và kế hoạch đào tạo cụ thể của từng lớp học, từng khóa học. BGH dựa trên đề nghị của trường các khoa, phòng, ban, ra quyết định khen

thường các cá nhân, đơn vị có thành tích tốt trong công tác đào tạo NVSP.

*5.2.5. Tăng cường thường xuyên sự phối hợp về đào tạo NVSP với các trường phổ thông*

**a. Cơ sở đề ra biện pháp**

- Kết quả ở phần 5.1.1 cho thấy *tính thực tế* của nội dung đào tạo chưa được HV đánh giá cao.

- Biện pháp 4.4 và 4.8 được HV đề cao ý nghĩa.

- Công tác phối hợp giữa Trường ĐHSP TPHCM và các trường phổ thông chưa chặt chẽ và thường xuyên.

**b. Mục tiêu**

Tăng cường sự phối hợp giữa Trường ĐHSP TPHCM và các trường phổ thông nhằm tổ chức và thực hiện tốt hơn nữa công tác thực tập sư phạm, thu nhận thêm nhiều thông tin phản hồi về trình độ nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của HV các lớp NVSP khi đi thực tập, hay những HV đã tốt nghiệp đang làm việc tại các trường đó. Ngoài ra, việc tăng cường sự phối hợp thông qua các hội thảo, những cuộc trao đổi chuyên môn sẽ giúp Trường ĐHSP TPHCM có thêm nhiều giải pháp khả thi và hiệu quả để nâng cao chất lượng đào tạo NVSP.

**c. Cách thực hiện biện pháp**

Bước 1: Phòng Đào tạo cùng với các khoa có đào tạo NVSP xây dựng kế hoạch thực tập sư phạm (TTSP) cho HV tại các trường phổ thông, trường mầm non, các cơ sở đào tạo mà HV sẽ đến TTSP; trình BGH duyệt.

Bước 2: Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, các trường phổ thông tổ chức thực hiện kế hoạch TTSP; giám sát, kiểm tra và đánh giá công tác TTSP; báo

cáo kết quả và họp rút kinh nghiệm sau mỗi đợt thực tập.

Bước 3: Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, các trường phổ thông tổ chức họp bàn các biện pháp phối hợp, tổ chức, thực hiện, đánh giá công tác TTSP của HV theo định kỳ 1 lần/học kỳ.

Bước 4: Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, các trường phổ thông tổ chức hội thảo về công tác đào tạo NVSP theo định kỳ 1 lần/học kỳ.

**6. Kết luận**

Nhìn chung, bốn nhóm đối tượng HV hài lòng về công tác đào tạo NVSP của Trường ĐHSP TPHCM ở nhiều khía cạnh: nội dung chương trình, phẩm chất GV, công tác tổ chức đào tạo. Tuy nhiên, mức độ hài lòng chưa cao, HV ít khi đánh giá tốt. Các khía cạnh cần tập trung làm tốt hơn là: tổ chức thi lại và học lại, chất lượng nhà vệ sinh và khu nghỉ trưa, cấp giấy chứng nhận cho HV, các hình thức miễn giảm học phí cho HV.

Đa số HV cho rằng, các biện pháp đưa ra đều có ý nghĩa nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của HV, đặc biệt là các biện pháp có liên quan đến GV như: GV thông báo cho HV lịch học và tiêu chí đánh giá HV khi bắt đầu khóa học, GV có kiến thức thực tế, GV có phương pháp giảng dạy dễ hiểu, GV hiểu tâm lý HV và có kỹ năng giao tiếp.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu thực trạng, các biện pháp đổi mới về quản lý đào tạo NVSP của Trường ĐHSP TPHCM nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, đó là: *đổi mới* công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, xây dựng cơ cấu nhân sự *hợp lý* cho công tác đào tạo, tăng cường sự chỉ đạo *thường xuyên* của

BGH nhà trường, tăng cường *thường xuyên* công tác kiểm tra đánh giá, tăng cường *thường xuyên* sự phối hợp chặt chẽ về đào tạo NVSP với các trường phổ thông; trong đó, biện pháp *đổi mới* công tác xây dựng kế hoạch là quan trọng nhất.

**7. Hướng nghiên cứu tiếp theo**

Theo chúng tôi, hướng nghiên cứu tiếp theo có thể là:

- Nghiên cứu đánh giá của GV và cán bộ quản lí về hoạt động đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy
- Nghiên cứu ứng dụng triển khai thực hiện các biện pháp *đổi mới* nhằm nâng cao chất lượng đào tạo NVSP
- Nghiên cứu các biện pháp nâng cao hiệu quả đào tạo NVSP cho HV ngoài chính quy.

*Ghi chú:* Bài viết này được trích từ kết quả đề tài nghiên cứu KH và CN cấp Trường: “*Biện pháp đổi mới công tác đào tạo các lớp Nghiệp vụ sư phạm do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức*”, mã số: CS 2012.19.57.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Học viện Quản lí giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Các hoạt động quản lí giáo dục và đào tạo ở trường Đại học và Cao đẳng*, Hà nội.
2. Hồ Văn Liên (2012), *Đổi mới quản lí giáo dục*, Bài giảng Chuyên đề TS, Trường ĐHSPTPHCM.
3. Nguyễn Lộc (2010), *Lí luận về quản lí*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Đoàn Trọng Thiệu (chủ nhiệm đề tài), Trần Thị Thu Mai (2009), *Xây dựng mô hình đào tạo nghiệp vụ sư phạm tại Trường Đại học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh*, mã số B2007.19.20.
5. Alexander W. Astin (2004), *Đánh giá chất lượng để đạt sự hoàn hảo*, Nguyễn Hội Nghĩa dịch, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.
6. K.B.Everard, Geoffrey Morris, Ian Wilson (2010), *Quản trị hiệu quả trường học*, Vũ Văn Hùng, Bùi Thị Thanh Hiền, Đoàn Văn Anh biên dịch, tài liệu dùng cho cán bộ quản lí trường phổ thông của dự án SREM.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 23-5-2013; ngày phản biện đánh giá: 10-6-2013; ngày chấp nhận đăng: 12-6-2013)

**CÁC SỐ TẠP CHÍ KHOA HỌC SẮP TỚI:**

- Tháng 8/2013: Số 49(83) – Khoa học xã hội và nhân văn
- Tháng 9/2013: Số 50(84) – Khoa học giáo dục
- Tháng 10/2013: Số 51(85) – Khoa học tự nhiên

*Ban biên tập Tạp chí Khoa học rất mong nhận được sự trao đổi thông tin của các đơn vị bạn và được bạn đọc thường xuyên cộng tác bài vở, góp ý xây dựng.*

